|  |  |
| --- | --- |
|  **CHÍNH PHỦ** Số: /2016/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |
|

|  |
| --- |
| DỰ THẢO21/3/2016 |

 | **NGHỊ ĐỊNH** |

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP**

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 3. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính**

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 một năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy mà vẫn còn nghiện.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, không có nơi cư trú ổn định.”

2. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

 **“Điều 9. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Bản tường trình về tình trạng nghiện ma túy của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

c) Biên bản về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

d) Bản sao giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định này hoặc bản sao Quyết định chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

đ) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của cơ quan lập hồ sơ.

2. Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định:

a) Tài liệu quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm đ Khoản 1 Điều này;

b) Phiếu trả lời kết quả của người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định này về tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Văn bản xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định của cơ quan lập hồ sơ”.

3. Khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sỹ, y sĩ, có chứng nhận, chứng chỉ tập huấn về chẩn đoán, điều trị cắt cơn nghiện ma túy do cơ quan có thẩm quyền cấp, làm việc tại: các trạm y tế cấp xã; cơ sở y tế của ngành công an; cơ sở y tế quân y, quân dân y; phòng khám khu vực, bệnh viện cấp huyện trở lên, phòng y tế của các cơ sở cai nghiện được thành lập theo quy định của pháp luật.”

4. Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 11 Nghị định này, cơ quan lập hồ sơ đánh bút lục hồ sơ, lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, chuyển hồ sơ kèm theo văn bản của cơ quan lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, như sau:

a) Đối với hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này được chuyển tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ;

b) Đối với hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này thì chuyển hồ sơ tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.”

5. Điểm b Khoản 1 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“**b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản đề nghị cơ quan lập hồ sơ bổ sung, trong đó nêu rõ lý do và các tài liệu cần bổ sung vào hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, nếu hồ sơ không được bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lại hồ sơ cho cơ quan lập hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản cho Trưởng phòng Tư pháp và người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.”

6. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 24. Định mức tiền ăn, ở và sinh hoạt**

1. Định mức tiền ăn hàng tháng của học viên là 0,8 lần mức lương cơ sở. Ngày lễ, Tết dương lịch học viên được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán học viên được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với học viên bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của cán bộ y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Học viên được trang bị đồ dùng sinh hoạt cá nhân thiết yếu như sau:

a) Tiền chăn, màn, chiếu, gối: 300.000 đồng/người/năm;

b) Quần áo và đồ dùng sinh hoạt cá nhân: 500.000 đồng/người/năm;

c) Tiền vệ sinh phụ nữ: 30.000 đồng/người/tháng.”

7. Bổ sung Khoản 4 Điều 24 như sau:

“4. Định mức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này là mức tối thiểu, tuỳ điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định.”

8. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 27. Tổ chức lao động trị liệu**

1. Lao động đối với học viên của cơ sở cai nghiện nhằm mục đích trị liệu, giúp học viên nhận thức được giá trị của lao động, rèn luyện tay nghề và phục hồi kỹ năng lao động đã bị suy giảm do nghiện ma túy.

2. Thời gian lao động trị liệu của học viên không quá 04 giờ/ngày. Không tổ chức lao động trị liệu đối với học viên trong thời gian cắt cơn giải độc, thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết.

3. Trường hợp học viên có nhu cầu lao động thì Giám đốc cơ sở cai nghiện tổ chức cho học viên lao động, việc tổ chức lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động.”

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016.

2. Bãi bỏ các quy định sau

a) Bãi bỏ Điều 5 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP;

b) Bãi bỏ Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Tổ chức thực hiện

a) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này;

b) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Website: Chính phủ, BLĐTBXH;- Công báo;- Lưu: VT, KGVX (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Tấn Dũng** |